

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671001 - Toán ứng dụng 1

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Trần	Tuấn	3771020340	16/04/1994	4,50	2,50	3,10	
2	Nguyễn Hồ Minh	Châu	3771020346	05/12/1993	6,50	7,50	7,20	
3	Phạm Văn	Danh	3771020353	21/05/1994	3,00	5,00	4,40	
4	Nguyễn Kiều	Hưng	3771020356	14/04/1994	4,00	3,00	3,30	
5	Dương Minh	Cường	3771020365	02/01/1995	5,50	2,50	3,40	
6	Chu Đức	Anh	3771020377	18/06/1994	4,00	2,00	2,60	
7	Hà Kim	Cương	3771020387	17/07/1993	4,50	3,00	3,50	
8	Phan Công	Lý	3771020397	25/08/1994	6,50	5,00	5,50	
9	Nguyễn Khắc	Hoàng	3771020414	22/12/1995	4,50	3,50	3,80	
10	Nguyễn Đức	Đương	3771020426	22/01/1995	6,00	4,00	4,60	
11	Nguyễn Đức	Trọng	3771020449	01/01/1995	9,00	2,50	4,50	
12	Phan Ngọc	Hưng	3771020481	28/02/1994	6,00	7,00	6,70	
13	Hồ Quốc	Chi	3771020485	09/09/1994	5,00	6,00	5,70	
14	Lê Thanh	Quân	3771020493	29/05/1995	6,00	6,50	6,40	
15	Lê Văn	Được	3771020497	20/10/1994	4,50	5,00	4,90	
16	Trần Văn	Huy	3771020504	02/10/1995	3,00	,50	1,30	
17	Nguyễn Thành	Trung	3771020506	17/01/1995	5,00	1,50	2,60	
18	Từ Quốc	Đạt	3771020509	25/06/1994	5,00	3,50	4,00	
19	Nguyễn Ngọc	Hùng	3771020512	18/05/1994	3,00	4,00	3,70	
20	Đỗ Duy	Thành	3771020513	25/06/1995	4,50	4,00	4,20	
21	Phan Thanh	Lam	3771020519	01/01/1994	5,50	5,50	5,50	
22	Nguyễn Hoàng	Nhon	3771020523	26/01/1993	6,00	1,30	2,70	
23	Mai Quốc	Dân	3771020532	02/01/1994	6,50	,00	2,00	
24	Nguyễn Hồng	Nghi	3771020534	16/09/1995	5,50	4,00	4,50	
25	Nguyễn Thành	Luân	3771020555	19/09/1995	5,00	4,50	4,70	
26	Đoàn Sỹ	Đạt	3771020565	27/08/1995	5,50	8,50	7,60	
27	Lê Đình	Huân	3771020570	03/04/1995	6,50	2,50	3,70	
28	Trần Đức	Mười	3771020574	11/11/1994	6,50	5,50	5,80	
29	Huỳnh Văn	Phú	3771020581	15/02/1995	4,00	1,30	2,10	
30	Phạm Nguyễn Hoàng	Thanh	3771020589	01/09/1995	6,50	3,50	4,40	
31	Nguyễn Việt	Kiều	3771020607	25/05/1995	4,50	7,80	6,80	
32	Phạm Tấn	Thụy	3771021106	01/01/1995	3,50	2,50	2,80	
33	Nguyễn Thanh	Quốc	3771021144	12/11/1993	5,00	3,00	3,60	
34	Trần Thái	Sang	3771021148	28/10/1990	4,00	4,50	4,40	
35	Nguyễn Minh	Chánh	3771021266	30/07/1993	6,50	5,50	5,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trương Hoàng	Phúc	3771021426	26/03/1995	5,00	2,00	2,90	
37	Nguyễn Khắc	Phú	3771021444	14/01/1994	3,50	3,00	3,20	
38	Nguyễn Thành	Giàu	3771022040	21/09/1995	4,00	6,50	5,80	
39	Nguyễn Huỳnh Tam	Cang	3771022041	13/02/1995	4,50	5,00	4,90	
40	Nguyễn Thanh	Quý	3771050208	06/09/1994	6,50	2,00	3,40	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)